

Số: 66/2019/QĐST-HNGĐ

Thanh Thủy, ngày 01 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 78/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019, giữa:

*** Nguyên đơn:** Anh **Trần Quốc H**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khu 3, Thị trấn T, huyện T, tỉnh P.

*** Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh P.

*** Người có Quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Bà **Phạm Thị A**, sinh năm 1925

Địa chỉ: Khu 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh P.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm các điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh **Trần Quốc H** và chị **Nguyễn Thị L**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*** Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung, cháu Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1995 và cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 2x/01/2007, cháu H đã thành niên xây dựng gia đình nên hai bên không đề nghị tòa án giải quyết. Ly hôn chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, anh

H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L từng tháng mỗi tháng 750.000đ (*bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) kể từ tháng 7/2019 cho đến khi cháu thành niên. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

*** Về tài sản chung:** Anh H và chị L đã tự thỏa thuận phân chia tài sản trước khi Tòa án hòa giải, đề nghị tòa án công nhận sự thỏa thuận này theo biên bản lập ngày 20/7/2019, cụ thể như sau:

- Về đất: Anh H và chị L xác định thửa đất số x6, tờ bản đồ số x7, diện tích 666,1m² tại Khu 3 thị trấn T, huyện T, tỉnh P đây là tài sản của bố mẹ anh H là bà Phạm Thị A và ông Trần Văn N (hiện ông N đã chết).

- Về tài sản anh H được trực tiếp sở hữu, sử dụng các tài sản:

+ 01 ngôi nhà xây cấp IV có diện tích 50m² xây dựng năm 2010.

+ 01 căn nhà bếp xây có diện tích 30m² được xây năm 2003.

+ 01 bộ bàn ghế Sa lông đã cũ.

+ 01 chiếc tủ tường đã cũ.

+ 01 chiếc ti vi hiệu LG đã cũ.

+ 20 cây Bưởi trồng được một năm tuổi.

Ngôi nhà, căn bếp được xây dựng và số cây Bưởi được trồng trên thửa đất số x6, tờ bản đồ số x7, diện tích 666,1m² tại Khu 3 thị trấn T, huyện T, tỉnh P, của bà Phạm Thị A và ông Trần Văn N là bố mẹ đẻ của anh H.

- Anh H có trách nhiệm thanh toán về chênh lệch tài sản sản cho chị L số tiền 45.000.000đ (*bốn mươi lăm triệu đồng*). Anh H đã thanh toán cho chị L số tiền trên, chị L đã nhận đủ 45.000.000đ (*bốn mươi lăm triệu đồng*).

*** Về công nợ chung, về cho vay, công sức đóng góp:** Anh H và chị L đều xác định vợ chồng không có, không đề nghị tòa án giải quyết nên tòa án không đặt ra giải quyết.

*** Về án phí Dân sự sơ thẩm:** Anh H nhận nộp cả 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm và phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số: AA/2017/ 0001443 ngày 28 tháng 5 năm 2018, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Thủy;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND TT T;
- Lưu HS-VP.

Thẩm phán

Lương Viết Tú